

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN

QUYỂN 2

PHẦN II: TƯỚNG THÙ THẮNG NÊN BIẾT (Tiếp Theo)

Nếu y chỉ Duy thức tướng tự pháp trần hiển hiện thì gọi là y tha tánh. Vậy tại sao thành y tha, nhân duyên gì gọi là y tha? Do từ chủng tử tự huân tập sinh, hệ thuộc nhân duyên không được tự tại. Nếu sinh không có công năng vượt hơn một sát-na được tự trụ thì gọi là y tha. Nếu y tha của phân biệt tánh thật không có tự pháp trần hiển hiện thì tại sao thành phân biệt, nhân duyên gì gọi là phân biệt? Vô lượng tướng mạo ý thức phân biệt, điên đảo sinh nhân cho nên thành phân biệt, không có tự tướng mà chỉ thấy phân biệt, gọi là phân biệt. Nếu tánh chân thật và tánh phân biệt vĩnh viễn không có sở hữu làm tướng, thì tại sao thành chân thật, nhân duyên gì gọi là chân thật? Do như, đều như cho nên thành chân thật, do thành tựu cảnh giới thanh tịnh, do tối thắng trong tất cả thiện pháp, đối với thắng nghiệp thành tựu cho nên gọi là chân thật. Lại nữa, nếu có phân biệt và sở phân biệt, thì tánh phân biệt được thành. Trong đây pháp gì gọi là phân biệt, pháp gì gọi là sở phân biệt, pháp gì gọi là phân biệt tánh? Ý thức là phân biệt, gồm có đủ ba thứ phân biệt. Tại sao vậy? Thức này do huân tập tự ngôn làm chủng tử, và tất cả sự huân tập thức ngôn làm chủng tử, do đó thức này sinh. Do vô biên phân biệt, tất cả xứ phân biệt chỉ gọi là phân biệt, nói là phân biệt, vì y tha này chỉ là sở phân biệt, là nhân có thể thành y tha tánh làm sở phân biệt. Trong đây gọi là tánh phân biệt. Tại sao phân biệt có thể tính toán? Y tha tánh này chỉ giống như tướng của vạn vật, duyên cảnh giới gì, chấp tướng mạo gì, như thế nào quán thấy, như thế nào duyên khởi, như thế nào nói năng, như thế nào tăng ích? Do cảnh giới của danh trong y tha tánh, do chấp vướng tướng, do phán quyết khởi kiến, do giác quán ngôn thuyết duyên khởi, do bốn thứ ngôn thuyết của kiến v.v... thật không có pháp trần mà kế chấp thật có làm tăng ích, do những nhân này mà có thể phân biệt. Ba loại tánh này như thế nào, cùng với tha là

khác không khác? Phi dị, phi bất dị, phải nói như vậy, vì có biệt nghĩa y tha tánh gọi là y tha, có biệt nghĩa đây là thành phân biệt, có biệt nghĩa đây là thành chân thật. Thế nào là biệt nghĩa nói đây là y tha? Từ huân tập chủng tử hệ thuộc vào tha. Lại có nghĩa gì nói đây là thành phân biệt? Tánh y tha này làm nhân phân biệt, là sở phân biệt cho nên thành phân biệt. Lại có nghĩa gì nói đây là thành chân thật? Y tha tánh này hoặc là thành chân thật, như sở phân biệt thật ra không có như vậy. Lại có nghĩa gì mà nói do một thức này trở thành tướng mạo của tất cả loại thức, bản thức, thực và các khác thức khác sinh khởi chủng chủng tướng mạo của thức.

Lại nhân theo tướng mạo này sinh, y tha tánh có mấy thứ? Nếu lược nói thì có hai thứ: 1. Hệ thuộc huân tập chủng tử. 2. Hệ thuộc tịnh phẩm và phẩm bất tịnh của tánh không thành tựu. Cho nên do hai thứ hệ thuộc này mà gọi là y tha.

Tánh phân biệt cũng có hai thứ: 1. Do phân biệt tự tánh. 2. Do phân biệt sai biệt.

Tánh chân thật cũng có hai thứ: 1. Tự tánh thành tựu. 2. Thanh tịnh thành tựu.

Lại có phân biệt phân thành bốn thứ: 1. Phân biệt tự tánh. 2. Phân biệt sai biệt. 3. Hữu giác. 4. Vô giác. Hữu giác là có thể phân biệt rõ danh ngôn chúng sinh phân biệt. Vô giác là không thể phân biệt rõ danh ngôn chúng sinh phân biệt.

Lại nữa, phân biệt có năm thứ: 1. Nương vào danh để phân biệt nghĩa tự tánh, ví dụ danh này làm đề mục cho nghĩa này. 2. Nương vào nghĩa để phân biệt danh tự tánh, ví dụ nghĩa này thuộc danh này. 3. Nương vào danh để phân biệt danh tự tánh, ví dụ phân biệt mà chưa nhận ra nghĩa danh. 4. Nương vào nghĩa để phân biệt nghĩa tự tánh, ví dụ phân biệt mà chưa nhận ra danh nghĩa. 5. Nương vào hai phép để phân biệt hai thứ tự tánh, ví dụ danh này thì nghĩa này.

Nghĩa nào hoặc danh nào gồm thâu tất cả phân biệt?

Lại có mười thứ:

1. Căn bản phân biệt là căn bản thức.
2. Tướng phân biệt là thức của sắc...
3. Y hiển thị phân biệt là có thức y chỉ thức của nhãn...
4. Tướng biến dị phân biệt là biến dị của lão..., thọ của khổ lạc, hoặc và tà uổng của dục, biến dị của thời tiết, biến dị của địa ngục... Trong cõi dục.

5. Y hiển thị biến dị phân biệt là như điều nói biến dị ở trên mà

khởi biến dị phân biệt.

6. Tha dẫn phân biệt là phân biệt nghe loại phi chánh pháp và hai chánh pháp.

7. Bất như lý phân biệt là người ngoại đạo không hai loại chánh pháp.

8. Như lý phân biệt là chánh nội nhân văn chánh pháp loại phân biệt.

9. Quyết phán chấp phân biệt là bất như lý tư duy, chủng loại thân kiến làm căn bản, cùng với sáu mươi hai thứ kiến tương ứng phân biệt.

10. Tán động phân biệt là mười thứ phân biệt của Bồ-tát: 1. Vô hữu tướng tán động. 2. Hữu tướng tán động. 3. Tăng ích tán động. 4. Tổn giảm tán động. 5. Nhất chấp tán động. 6. Dị chấp tán động. 7. Thông tán động. 8. Biệt tán động. 9. Như danh khởi nghĩa tán động. 10. Như nghĩa khởi danh tán động. Để đối trị mười thứ tán động phân biệt này, trong tất cả Bát-nhã Ba-la-mật giáo, Phật Thế Tôn nói: “Vô phân biệt trí có khả năng đối trị mười thứ tán động này, phải biết đầy đủ nghĩa của Kinh Bát-nhã Ba-la-mật”.

Như Kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: “Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật như thế nào? Xá-lợi-phất! Bồ-tát đó thật có Bồ-tát, là không thấy có Bồ-tát, không thấy danh Bồ-tát, không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy hành, không thấy bất hành, không thấy sắc, không thấy thọ, tưởng, hành, thức. Tại sao? Vì do tự tánh của sắc là không, không do không không mà thấy sắc không, cũng không phải sắc, khác vô sắc thành không. Sắc tức là không, không tức là sắc. Tại sao? Xá-lợi-phất! Đây chỉ là hữu danh, điều gọi là Sắc là tự tánh, không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh. Đối với cái giả, đặt tên để phân biệt các pháp, do giả lập khách danh để tùy nói các pháp như như, tùy nói như vậy như vậy sinh khởi chấp trước, như vậy tất cả danh Bồ-tát không thấy. Nếu không thấy thì không sinh chấp trước. Như quán sắc cho đến quán thức, cũng nên quán như vậy. Từ văn cú của Kinh Bát-nhã Ba-la-mật này, phải tùy thuận tư duy mười thứ nghĩa phân biệt này. Nếu do biệt ý này thì y tha tánh trở thành có ba tánh. Ba tánh đó như thế nào? Tánh có ba thứ khác nhau, không thành xen tạp và không có nghĩa xen tạp, do đạo lý này mà tánh này thành y tha. Nếu không do đây, thì thành phân biệt và chân thật. Do đạo lý này mà tánh này thành phân biệt, không do đây mà thành y tha và chân thật. Do đạo lý này mà tánh này thành chân thật. Nếu không do đây thì thành y tha và phân biệt. Làm sao biết được y tha tánh này? Do tánh phân biệt hiển hiện tợ pháp, không cùng với

tánh phân biệt đồng thể, chưa đắc danh trước thì đối với nghĩa không nên sinh trí, pháp thể cùng với danh là một thì nghĩa này trái nhau. Do danh là nhiều, nếu danh cùng với nghĩa là một thì danh đã là nhiều thì nghĩa phải thành nhiều, thể của nghĩa này trái nhau. Do danh bất định, thể tương tạp thì nghĩa này trái nhau. Trong đây nói kệ rằng:

*Trước danh không có trí,
Nhiều danh và bất định,
Nghĩa thành do đồng thể,
Thể đa tạp trái nhau.
Pháp không hiển tợ hữu,
Vô nhiễm mà hữu tịnh,
Cho nên ví về việc huyễn,
Cũng ví như hư không.*

Tại sao hiển hiện như vậy mà thật không có? Nhất thiết chủng của y tha tánh không phải không có, nếu không có y tha tánh thì chân thật tánh cũng không, tất cả không có thì không thành. Nếu không có y tha tánh và chân thật tánh thì có lỗi không có nhiễm và thanh tịnh phẩm. Hai phẩm này có thể biết chẳng phải không có, cho nên không phải tất cả đều không có. Trong đây nói kệ rằng:

*Nếu không y tha tánh,
Chân thật tánh cũng không,
Thì hằng không hai phẩm:
Nhiễm ô và thanh tịnh.*

Chư Phật Thế Tôn trong Đại thừa nói Kinh Tỳ Phật Lực, trong Kinh này nói: “Làm sao phải biết tánh phân biệt? Do nói không có phẩm loại mà tánh này phải biết. Tại sao phải biết y tha tánh? Do nói về việc huyễn, nai khát nước, mộng tưởng, bóng ảnh, tiếng vang trong hang, trăng dưới nước, biến Hóa, các thí dụ như vậy phải biết tánh của nó. Tại sao phải biết chân thật tánh? Do nói bốn thứ pháp thanh tịnh, phải nên biết tánh này.

Bốn thứ pháp thanh tịnh là:

1. Pháp này xưa nay tự tánh thanh tịnh, là Như như, Không, Thật tế, Vô tướng, Chân thật Pháp giới.
2. Vô cấu thanh tịnh là pháp xuất ly tất cả khách pháp trần chướng bản.
3. Chí đắc đạo thanh tịnh là tất cả trợ đạo pháp và các Ba-la-mật.
4. Đạo sinh cảnh giới thanh tịnh là chánh thuyết pháp Đại thừa.

Tại sao vậy ? Thuyết này là nhân thanh tịnh cho nên không phải phân biệt, pháp giới lưu thanh tịnh cho nên không phải y tha. Do bốn thứ pháp thanh tịnh này mà nhiếp hết tất cả pháp thanh tịnh. Trong đây nói kệ rằng:

*Các huyền hiển y tha,
Thuyết không hiển phân biệt,
Nếu thuyết bốn thanh tịnh,
Thuyết này thuộc chân thật.
Thanh tịnh do bản tánh.
Vô cấu đạo duyên duyên,
Tất cả thanh tịnh pháp,
Đều nhiếp các phẩm loại.*

Nhân gì, duyên gì là Y tha tánh? Như kinh nói mọi việc huyền, lấy thí dụ làm rõ nó. Đối với Y tha tánh thì trừ hư vọng nghi hoặc của nó. Tại sao tha trong tha tánh sinh hư vọng nghi hoặc? Các thuyết trong y tha tánh có tâm hư vọng nghi hoặc như vậy. Nếu thật không có vật thì tại sao thành cảnh giới? Để giải quyết cái nghi này, cho nên nói thí dụ về việc huyền. Nếu không có cảnh giới thì tâm và tâm sở làm sao được sinh? Để giải quyết nghi này, cho nên nói thí dụ nai khát nước. Nếu thật không có pháp trần thì thọ dụng của ái và phi ái làm sao được thành? Để giải quyết nghi này, cho nên nói thí dụ tướng trong mộng. Nếu thật không có pháp, thì hai nghiệp thiện và ác, ái quả và phi ái quả làm sao được sinh? Để giải quyết nghi này, cho nên nói thí dụ hình ảnh. Nếu thật không có pháp thì tại sao chủng chủng trí được sinh? Để giải quyết nghi này, cho nên nói thí dụ ánh sáng và bóng. Nếu thật không có pháp thì tại sao chủng chủng ngôn thuyết khởi? Để giải quyết nghi này, cho nên nói thí dụ tiếng vang trong hang động. Nếu thật không có pháp thì làm sao thành duyên cảnh giới định tâm của chân thật pháp? Để giải quyết nghi này, cho nên nói thí dụ trăng trong nước. Nếu thật không có pháp thì tại sao chư Bồ-tát do đó mà khởi tâm không điên đảo, vì người khác mà làm sự lợi ích đối với sáu đạo thọ sinh? Để giải quyết nghi này, cho nên nói thí dụ biến Hóa. Trong Kinh Bà-la-môn Vấn nói: “Bạch Thế Tôn! Nương vào nghĩa gì mà nói những lời như vậy? Như Lai không thấy sinh tử, không thấy Niết-bàn, trong y tha tánh thì nương tánh phân biệt và nương chân thật tánh. sinh tử làm Niết-bàn nương vào nghĩa vô sai biệt”. Tại sao vậy? Vì y tha tánh này do một phần phân biệt mà thành sinh tử, do một phần chân thật mà thành Niết-bàn. Trong A-tỳ-đạt-ma Tu-đa-la, Thế Tôn nói pháp có ba phần:

1. Nhiễm ô phần. 2. Thanh tịnh phần. 3. Nhiễm ô và thanh tịnh phần.

Nương vào nghĩa gì mà nói ba phần này? Trong y tha tánh thì tánh phân biệt là nhiễm ô phần, Chân thật tánh là thanh tịnh phần, y tha tánh là nhiễm ô và thanh tịnh phần. Nương vào nghĩa như vậy mà nói ba phần. Trong ba nghĩa này lấy gì làm thí dụ? Lấy vàng ẩn trong đất là thí dụ, ví như vàng ẩn trong đất, thấy có ba pháp: 1. Địa giới. 2. Vàng. 3. Đất. Đất trong địa giới là chẳng phải có, nhưng hiển hiện vàng là thật có mà không hiển hiện đất này. Nếu dùng lửa để thiêu luyện đất thì đất không hiện mà tướng vàng tự hiện, đất của đất giới này khi hiển hiện là do tướng hư vọng hiển hiện, khi vàng hiển hiện thì do chân thật tướng hiển hiện, cho nên địa giới có hai phần. Như vậy bản thức, khi nó chưa được thiêu luyện bởi lửa Vô phân biệt trí thì thức này do hư vọng tánh phân biệt hiển hiện, không do chân thật tánh hiển hiện. Nếu khi nó bị thiêu luyện bởi lửa của Vô phân biệt trí, thì bản thức này do thành tựu tánh chân thật hiển hiện, không do hư vọng tánh phân biệt hiển hiện. Do đó hư vọng tánh phân biệt thức tức là y tha tánh. Điều này có hai phần. Ví dụ như vàng ẩn trong tất cả đất. Lại nữa, có chỗ Thế Tôn nói: “Tất cả pháp thường trụ”, có chỗ thì nói: “Tất cả pháp vô thường”, có chỗ nói: “phi thường, phi vô thường”. lấy nghĩa gì mà nói là thường? Y tha tánh này là do chân thật tánh phân ra thường trụ, do tánh phân biệt phân ra vô thường, do nhị tánh phân ra phi thường và phi vô thường. Như nương vào nghĩa này mà nói thường và vô thường không hai. Như vậy nói khổ và lạc không hai, thiện và ác không hai. Không và bất không không hai, hữu ngã và vô ngã không hai, tịnh và bất tịnh không hai, hữu tánh và vô tánh không hai, hữu sinh và vô sinh không hai, hữu diệt và vô diệt không hai, xưa nay tịch tĩnh và bất tịch tịnh không hai, xưa nay Niết-bàn và phi Niết-bàn không hai, sinh tử và Niết-bàn không hai. Do sai biệt như vậy, chư Phật Như Lai y theo nghĩa mà nói lời bí mật, do ba tánh này phải tùy theo sự quyết định rõ ràng, thường và vô thường... nên chính là nói giải thích như trước. Trong đây kệ nói:

*Như pháp thật không có,
Như kia chủng chủng hiện,
Pháp này và phi pháp,
Mà nói nghĩa không hai.
Nương một phần ngôn thuyết,
Hoặc hữu hoặc phi hữu,
Nương hai phần ngôn thuyết,*

*Phi hữu, phi phi hữu.
 Như hiển hiện không có,
 Cho nên nói vãng vô,
 Như hiển hiện thật có,
 Cho nên nói phi vô.
 Do tự thể chẳng có,
 Vì tự thể không trụ,
 Nếu như lấy không có,
 Ba tánh thành vô tánh.
 Do vô tánh mà thành,
 Tánh sau y chỉ trước,
 Bản tịnh vô sinh diệt,
 Và tự tánh Niết-bàn.*

Lại nữa, có bốn ý và bốn y, chư Phật Thế Tôn dạy phải tùy theo đó mà quyết liễu, bốn ý là:

1. Ý bình đẳng, ví như có nói: “Ngày xưa trong thời gian đó, ta là Tỳ-bà-thi, thành Phật đã lâu”.

2. Ý khác thời, ví như có nói: “Nếu người tụng trì danh hiệu của Phật Đa Bảo, thì quyết định đối với Vô Thượng Bồ-đề không còn thoái chuyển”. Lại có nói: “Do chỉ phát nguyện đối với cõi Phật an lạc thì được sinh qua cõi đó”.

3. Ý nghĩa riêng biệt, ví như có nói: “Phụng sự chư Phật như vậy, nhiều như số cát hết thủy sông Hằng, thì đối với nghĩa của pháp Đại thừa được sinh hiểu rõ”.

4. Ý muốn chúng sinh được an vui, ví như Như Lai trước kia làm một người khen ngợi bố thí sau lại huỷ báng, như thí giới và các hạnh tu khác cũng vậy. Đó gọi là bốn loại ý.

Bốn y chỉ là:

1. Linh nhập y, ví như trong Đại thừa và Tiểu thừa chư Phật Thế Tôn nói chỗ nhiếp tục đế của hai thứ nhân và pháp. Hai tướng có chung và riêng.

2. Tướng y, ví như tùy trong chỗ thuyết pháp tướng chắc chắn có ba tánh.

3. Đối trị y, trong đây tám vạn bốn ngàn phiền não của chúng sinh nên hạnh đối trị hiển hiện.

4. Phiên y, trong đó do nói biệt nghĩa của ngôn từ để hiển thí dụ biệt nghĩa. Như kệ nói:

A-sa Ly-sa-la Ma-đa-da,

*Tỳ-bạt-da Tư-giả Tu-hy-la,
Ly-thí-na-giả Tăng-kha-lý-đa,
La-bát-để Bồ-đề Vật-đa-ma.*

Nếu người muốn giải thích rộng pháp Đại thừa, thì lược nói do ba tướng và phải nên giải thích như vậy:

1. Rộng giải thích thể tướng của duyên sinh.
2. Rộng giải thích nương vào nhân duyên đã sinh thật tướng của các pháp.
3. Rộng giải thích thành lập chỗ thuyết các nghĩa.

Rộng giải thích thể tướng của duyên sinh là như ý nghĩa của bài kệ trên muốn nói:

*Chỗ sinh các pháp của huân tập,
Như vậy đây từng theo kia,
Quả báo thức và sinh khởi thức,
Do nương lẫn nhau mà sinh.*

Rộng giải thích nương vào nhân duyên đã sinh thật tướng của các pháp, các pháp lấy sinh khởi thức làm tướng, và lấy tướng và kiến thức làm tự tánh. Lại nữa, các pháp lấy y chỉ làm tướng, lấy phân biệt làm tướng và pháp gốc làm tướng. Do ngôn thuyết này nên thể tướng của các pháp trong ba tánh được hiển hiện. Như kệ nói rằng:

*Từ hữu tướng, hữu kiến,
Phải biết ba tướng pháp.*

Tại sao được giải thích pháp tướng này là tánh phân biệt? Đối với tánh y tha thật ra không có sở hữu, nhưng tánh đối với tánh chân thật thì trong đó thật có. Do hai nghĩa không có và có, chẳng chứng đắc và chứng đắc. Chưa thấy và đã thấy này mà chân như đồng thời tự nhiên thành. Tánh phân biệt trong tánh y tha thì không có, tánh chân thật thì có. Hoặc thấy kia không thấy đây, hoặc không thấy kia tức là thấy đây. Như kệ nói:

*Phân biệt trong y tha,
Không những chân thật có,
Nên đắc và không đắc,
Trong đó đều bình đẳng.*

Ở đây, giải thích rộng sự thành lập các nghĩa đã được nói, ví như văn cú được nói trong phần thứ nhất, do những câu còn lại hiển thị phân biệt, hoặc do công đức y chỉ, hoặc do sự nghĩa y chỉ. Công đức y chỉ là rộng nói công đức của Phật Thế Tôn, thật có trí tuệ tối thanh tịnh, không hề có hai hành, lấy pháp vô tướng làm nơi nương tựa thù thắng

và ý hành trụ nơi Phật trụ, chí chứng đạt hành vô ngại bình đẳng của chư Phật, cho nên, vô đối chuyển pháp không thể phá, cảnh không thể biến dị không thể tư duy, chỗ thành lập pháp đến ba đời bình đẳng, hiện thân trong tất cả thế giới, trí tuệ vô ngại trong tất cả pháp, tất cả hạnh cùng với trí tuệ tương ứng, đối với trí tuệ vô ngại, không thể phân biệt thân. Trí tuệ mà tất cả Bồ-tát đã thọ, đến vô nhị Phật trụ Ba-la-mật, đến vô sai biệt Như Lai giải thoát, trí cứu cánh đã đắc vô biên Phật địa, lấy bình đẳng pháp giới làm hư không giới thù thắng, tức là tuệ sau cùng thật tối thanh tịnh. Như vậy, câu thứ nhất do các câu khác, thứ tự phải biết phân biệt giải thích. Nếu chánh thuyết pháp nghĩa như vậy thì được thành tuệ tối thanh tịnh, trí tuệ của chư Phật Như Lai, đối với tất cả pháp thanh tịnh thì không có pháp nào mà không hiểu rõ. Bản nghĩa như vậy phải biết do công đức hai mươi một vị Phật gồm thâu. Đối với sở tri thì khởi tất cả công đức của vô chướng hạnh, đối với hữu, vô, vô nhị tướng và chân như tối thanh tịnh khiến cho nhập công đức, không do công dụng, không xả Như Lai sự và công đức Phật trụ. Đối với pháp thân y chỉ và công đức ý sự vô sai biệt, tu tập tất cả công đức đối trị chướng, công đức hàng phục tất cả ngoại đạo, công đức sống trong thế gian phi thế gian pháp đã nhiễm ô, công đức an lập Chánh pháp đó là bốn thứ thiện xảo để đáp câu hỏi công đức.

Công đức hiển hiện Ứng Hóa thân trong tất cả thế giới, công đức có khả năng quyết nghị cho người khác, công đức do các thứ hạnh khiến người khác nhập vào, công đức đối với đời vị lai pháp sinh trí, công đức tùy an lạc của chúng sinh mà hiển hiện, công đức có thể hành vô lượng y chỉ Chánh giáo Hóa sự của chúng sinh, công đức bình đẳng pháp thân Ba-la-mật thành tựu, công đức tùy ý chúng sinh mà hiển hiện thuần tịnh Phật độ, đó là công đức của ba thứ Phật thân không lìa và không riêng xứ.

Tận cùng của sinh tử có thể sinh tất cả công đức lợi ích an lạc cho chúng sinh. Do công đức vô tận, nương theo sự nghĩa y chỉ. Như trong Kinh nói: “Nếu Bồ-tát cùng với ba mươi hai tướng tương ứng thì gọi là Bồ-tát”. Đối với tất cả chúng sinh đem lợi ích an lạc ý tương ứng thì khiến họ nhập ý của Nhất thiết trí trí. Ta nay trong xứ nào mà tương ứng thích hợp với trí như vậy? Do xả tâm kiêu mạn, ý thiện kiên cố, không phải giả bộ xót thương, ý không tham báo ân, đối với người thân hoặc không thân, mà ý bình đẳng thì vĩnh viễn làm bạn tốt, cho đến Vô dư Niết-bàn xứng với lượng nói bàn cười vui sung sướng, trước hết nói đối với các chúng sinh từ bi không khác, với việc mình làm, không có tâm

thoái lui, không có tâm chán mệt nghe nghĩa không đầy đủ. Đối với tự mình làm tội thì có thể hiển lỗi của mình. Đối với người khác làm tội thì không trách mắng họ. Trong tất cả oai nghi thì hằng trì tâm Bồ-tát, không cầu quả báo mà hành bố thí, không dính mắc tất cả sự kinh sợ và đạo sinh thọ trì cấm giới. Đối với tất cả chúng sinh nhẫn nhục vô ngại, nhằm dắt dẫn tất cả thiện pháp hành tinh tấn, tu Tam-ma-đề diệt lìa Vô sắc định, cùng với phương tiện tương ứng trí, bốn nhiếp tương ứng phương tiện trong trì giới và phá giới, bạn tốt không hai, tâm cung kính phụng sự thiện tri thức, tâm cung kính nghe pháp, thích trụ nơi A-lan-nhã, đối với hy hữu của thế gian không sinh tâm an lạc, đối với thừa của hạ phẩm không sinh tâm hỷ lạc, đối với Đại thừa giáo thì quán thật công đức, xa lìa bạn ác kính thờ bạn tốt, hằng sửa theo bốn thứ phạm trụ, sửa theo vô lượng tâm thanh tịnh, hằng vận dụng tự tại năm thần thông, hằng y theo trí tuệ. Đối với chúng sinh trụ chánh hạnh và không trụ chánh hạnh, không xả bỏ tâm dắt dẫn đại chúng, hoàn toàn quyết định ngôn thuyết cung kính thật sự thì trước hết là cung kính hạnh, Bồ-tát tâm cùng với các pháp tương ứng như vậy gọi là Bồ-tát. Do văn cú như vậy, nên trước đã nói câu thứ nhất. Giải thích câu thứ nhất, là đối với tất cả chúng sinh luôn có ý lợi ích an lạc, câu văn ý lợi ích an lạc này riêng có mười sáu câu văn đã làm rõ nên phải biết.

Giải thích mười sáu nghiệp:

1. Phụ phụ hạnh nghiệp hạnh.
2. Vô đảo nghiệp.
3. Tự hành nghiệp không do tha sự.
4. Nghiệp bất khả hoại.
5. Nghiệp vô cầu dục. Nghiệp này phải biết có ba câu giải thích:
 1. Không tham báo ân. 2. Và 3. Chúng sinh có ân hay vô ân đều không sinh tâm ưa ghét.
6. Nghiệp tùy thuận hành cho đến đời khác mà tùy xứ tương ứng ngôn thuyết. Nghiệp này phải biết có hai câu giải thích: Có khổ có vui không hai.
7. Nghiệp chúng sinh bình đẳng.
8. Nghiệp không hèn mọn.
9. Nghiệp không thể khiến cho thoái chuyển.
10. Nghiệp thu nhiếp phương tiện.
11. Nghiệp đối trị chán ghét. Nghiệp này phải biết có hai câu giải thích.
12. Nghiệp tư lương vô gián.

13. Nghiệp hạnh tiến thăng vị. Nghiệp này phải biết có bảy câu giải thích: Chánh tu gia hạnh và sáu Ba-la-mật.

14. Nghiệp cung kính hành tứ nhiếp pháp thành tựu phương tiện. Nghiệp này phải biết có sáu câu giải thích: 1. Thờ thiện tri thức. 2. Nghe chánh pháp. 3. Trụ A-lan-nhã. 4. Xa lìa giác quán tà. 5. Công đức chánh tư duy, có hai câu giải thích. 6. Hiển kính thờ công đức của bạn tốt, có hai câu giải thích.

15. Nghiệp hiển thành tựu. Nghiệp này có ba câu giải thích: 1. Trị vô lượng tâm. 2. Đắc thanh tịnh. 3. Oai đức.

16. Nghiệp chứng đắc công đức an lập. Nghiệp này phải biết có bốn câu giải thích: 1. Dẫn dắt đại chúng không có tâm nghi ngờ. 2. Lập chánh giáo học xứ. 3. Pháp nhiếp và tài nhiếp. 4. Không có tâm nhiễm ô.

Những câu như vậy, phải biết giải thích văn cú của nói thứ nhất. Trong đây nói kệ rằng:

*Chấp như câu nói trước,
Tùy đức cú sai biệt,
Chấp như câu nói trước,
Do nghĩa biệt, cú biệt.*
